|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phụ lục**  **BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN DỰ PHÒNG CHƯA PHÂN BỔ THUỘC NGUỒN ĐẤU GIÁ ĐẤT GIAO BỔ SUNG**  *(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)* | | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  | *Đơn vị tính: Triệu đồng.* | |
| **STT** | **Danh mục dự án** | **ĐĐ XD** | **Tiến độ thực hiện** | **Tổng mức vốn đầu tư** | **Kế hoạch 2021-2025** | | **Nội dung giao bổ sung** | **Kế hoạch 2021-2025 sau bổ sung** | | **Chủ đầu tư** |
| **NSTT** | **Đất** | **NSTT** | **Đất** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** |
|  | **DỰ PHÒNG CHƯA PHÂN BỔ CHI TIẾT** |  |  |  |  | **5.489.154** | **351.300** |  | **5.489.154** |  |
|  | Trong đó: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **I** | **Dự kiến phân bổ cho cấp nước sạch khi đủ hồ sơ** |  |  |  |  | **300.000** |  |  | **300.000** |  |
| **II** | **Dự kiến phân bổ cho nông nghiệp khi đủ hồ sơ** |  |  |  |  | **600.000** |  |  | **600.000** |  |
| **II.1** | **Phân bổ chi tiết** |  |  |  |  |  |  |  | **135.000** |  |
|  | **Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Dự án chuyển tiếp** |  |  |  |  |  |  |  | 0 |  |
| 1 | Dự án xây dựng kiên cố hóa đoạn từ lý trình Km6+692 đến lý trình Km8+592 tuyến kênh T0 và đoạn từ lý trình Km0+108 đến lý trình Km1+077 tuyến kênh T2 suối Nước Trong, huyện Long Thành | LT |  | 150.000 |  |  | 135.000 |  | 135.000 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| **II.2** | **Dự phòng chưa phân bổ** |  |  |  |  |  |  |  | **465.000** |  |
| **III** | **Dự kiến phân bổ cho khoa học công nghệ khi đủ hồ sơ** |  |  |  |  | **300.000** |  |  | **300.000** |  |
| **IV** | **Dự kiến phân bổ cho môi trường khi đủ hồ sơ** |  |  |  |  | **670.000** |  |  | **670.000** |  |
| **V** | **Dự kiến phân bổ cho ngành văn hóa - xã hội khi đủ hồ sơ** |  |  |  |  | **693.400** |  |  | **693.400** |  |
| **VI** | **Dự kiến phân bổ cho ngành giáo dục khi đủ hồ sơ** |  |  |  |  | **186.000** |  |  | **186.000** |  |
| **VII** | **Dự kiến phân bổ cho công tác chuyển đổi số, đô thị thông minh... khi đủ hồ sơ** |  |  |  |  | **633.200** |  |  | **633.200** |  |
| **VII.1** | **Phân bổ chi tiết** |  |  |  |  |  |  |  | **23.000** |  |
|  | **Khởi công mới giai đoạn 2021-2025** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Dự án xây dựng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Đồng Nai | BH | Tối đa 03 năm | 4.460 |  |  | 4.200 |  | 4.200 | Sở Tư pháp |
| 2 | Nâng cấp và phát triển hạ tầng Công nghệ thông tin của Ban Quản lý các Khu công nghiệp phục vụ chuyển đổi số | BH | Tối đa 03 năm | 4.456 |  | 100 | 4.200 |  | 4.300 | Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai |
| 3 | Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai | BH | Tối đa 03 năm | 15.000 |  | 100 | 14.400 |  | 14.500 | Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai |
|  | **Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Dự án triển khai hệ thống Tư vấn khám chữa bệnh từ xa | BH |  |  |  |  | 100 |  | 100 | Sở Y tế |
| 2 | Dự án đầu tư thiết bị đầu cuối công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số ngành Y tế Đồng Nai | BH |  |  |  |  | 100 |  | 100 | Sở Y tế |
| **VII.2** | **Dự phòng chưa phân bổ** |  |  |  |  |  |  |  | **610.200** |  |
| **VIII** | **Dự kiến phân bổ cho y tế khi đủ hồ sơ** |  |  |  |  | **220.780** |  |  | **220.780** |  |
| **VIII.1** | **Phân bổ chi tiết** |  |  |  |  |  |  |  | **6.800** |  |
|  | **Khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Dự án xây dựng mới Trạm Y tế xã Phú Thanh huyện Tân Phú | TP | Tối đa 03 năm | 7.870 |  |  | 6.800 |  | 6.800 | UBND huyện Tân Phú |
| **VIII.2** | **Dự phòng chưa phân bổ** |  |  |  |  |  |  |  | **213.980** |  |
| **IX** | **Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 còn lại cho các lĩnh vực còn lại khi đủ hồ sơ (kể cả các dự án còn thiếu nguồn so với kế hoạch trung hạn đã giao)** |  |  |  |  | **1.885.774** |  |  | **1.885.774** |  |
| **IX.1** | **Phân bổ chi tiết** |  |  |  |  |  |  |  | **186.500** |  |
|  | **Giao thông** |  |  |  |  |  |  |  | 0 |  |
|  | **Khởi công mới giai đoạn 2021-2025** |  |  |  |  |  |  |  | 0 |  |
| 1 | Dự án xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây, đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất | TN-CM |  | 92.700 |  |  |  |  |  |  |
|  | Trong đó: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b | Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất do UBND huyện Thống Nhất thực hiện bồi thường (kể cả chi phí giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ) |  |  |  | 10.000 | - | 33.500 | 10.000 | 33.500 | UBND huyện Thống Nhất |
|  | **Quốc phòng** |  |  |  |  |  |  |  | 0 |  |
|  | **Khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025** |  |  |  |  |  |  |  | 0 |  |
| 1 | Dự án SCH |  |  | 170.200 |  |  | 153.000 |  | 153.000 | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh |
| **IX.2** | **Dự phòng chưa phân bổ** |  |  |  |  |  |  |  | **1.699.274** |  |